

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DS-ST

Ngày 29 tháng 12 năm 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 182/2021/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hải D. Địa chỉ: Khối B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Cẩm Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2021, tại bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Hải D trình bày:*

Vào ngày 15/12/2020, bà Bùi Thị H có cho bà Võ Thị Cẩm Q vay số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay, hai bên thoả thuận mức lãi suất là 2% và hạn đến ngày 15/3/2021, bà Q sẽ trả cho bà H tiền gốc và lãi trên. Sau đó, vào 15/5/2021, bà Q có trả cho bà H được 3.000.000 đồng tiền lãi và ngày 22/6/2021 trả cho bà H được 2.000.000 đồng tiền lãi mà không trả được cho bà H khoản tiền gốc nào. Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Cẩm Q phải trả cho bà H số tiền còn nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 1,66%/tháng, tính từ ngày

16/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/12/2021 là: $(70.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng \times 370 \text{ ngày}) = 14.331.333 \text{ đồng}$, trừ đi 5.000.000 đồng tiền lãi bà Q đã trả, còn lại bà Q phải trả là 9.331.333 đồng tiền lãi.

* *Tại bản tự khai ngày 17/11/2021 và trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà Võ Thị Cẩm Q trình bày:* Bà Q đồng ý với ý kiến trình bày của đại diện theo uỷ quyền của bà H, về số tiền bà Q còn nợ tiền gốc của bà H là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/12/2021 là 14.331.333 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên quá hạn trả nợ nhưng bà Q không trả cho bà H được khoản tiền gốc nào, mà chỉ trả được 5.000.000 đồng tiền lãi. Nay, bà H làm đơn kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/12/2021 là 9.331.333 đồng. Bà Q đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại, nhưng với phương thức trả nợ như sau:

- Vào ngày 15/5/2022 trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng
- Vào ngày 15/11/2022 trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại là 9.331.333 đồng.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H. Buộc bị đơn bà Võ Thị Cẩm Q phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền là 79.331.333 đồng, trong đó tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.331.333 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Cẩm Q phải trả số nợ là 79.331.333 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

* Về nội dung:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 15/12/2020, bà Võ Thị Cẩm Q có vay của bà Bùi Thị H số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay, hai bên thoả thuận mức lãi suất là 2% và hạn đến ngày 15/3/2021, bà Q sẽ trả cho bà H tiền gốc và lãi trên. Bà Q cũng thừa nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Q còn nợ bà H 79.331.333 đồng, trong đó tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi là 9.331.333 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, đây là những tình tiết chứng cứ đã được các bên đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Hiện nay khoản vay đã quá hạn trả nợ nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên bà Q không trả ngay cho bà H được, mà muốn trả theo phương thức sau: Vào ngày 15/5/2022 trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng. Vào ngày 15/11/2022 trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại là 9.331.333 đồng. Nhưng bà H không đồng ý.

[3] Xét thấy khoản vay mà bà Q vay của bà H, hiện nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Q không trả được cho bà H khoản vay gốc nào, mà chỉ trả được 5.000.000 đồng tiền lãi làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên bà H làm đơn yêu cầu khởi kiện buộc bà Q phải trả cho bà H khoản vay gốc và lãi là có căn cứ. Việc bà Q yêu cầu được trả nợ cho bà H theo phương thức trả dần nhưng bà H không đồng ý nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX xác định, việc bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Võ Thị Cẩm Q phải trả cho bà H số tiền là 79.331.333 đồng, trong đó tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.331.333 đồng là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Võ Thị Cẩm Q phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật (*theo mức tính 79.331.333 đồng x 5%*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Võ Thị Cẩm Q phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền nợ là 79.331.333 đồng (*Bảy mươi chín triệu ba trăm ba mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), trong đó tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 9.331.333 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Cẩm Q phải chịu 3.966.566 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Bùi Thị H 1.995.000 đồng, tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0005525 ngày 14/10/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện EaKar.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh